

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Về tình hình lao động, việc làm quý III và chín tháng năm 2026¹

Trong quý III năm 2026, thị trường lao động thế giới nhìn chung duy trì sự ổn định về các chỉ báo việc làm, nhưng chất lượng việc làm và khả năng tiếp cận việc làm thỏa đáng vẫn còn nhiều thách thức. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) tại Báo cáo Xu hướng Việc làm và Xã hội 2026², tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2026 được dự báo duy trì ở mức 4,9%, tương đương khoảng 186 triệu người. Tuy nhiên, khoảng trống việc làm toàn cầu được dự báo lên tới 408 triệu người; khoảng 2,1 tỷ người vẫn làm việc trong khu vực phi chính thức và gần 300 triệu người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực dù có việc làm. ILO đồng thời nhận định những bất định về kinh tế, chính sách thương mại và tác động của quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo tiếp tục tạo sức ép đối với triển vọng thị trường lao động.

Trong nước, thị trường lao động quý III năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng ổn định. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động đều tăng; trong khi số lao động phi chính thức và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động duy trì ổn định, hầu như không thay đổi qua hai kỳ so sánh. Tính chung chín tháng năm 2026, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 53,8 triệu người, tăng 697,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; số người có việc làm đạt 52,7 triệu người, tăng 683,8 nghìn người. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,22% và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,53%.

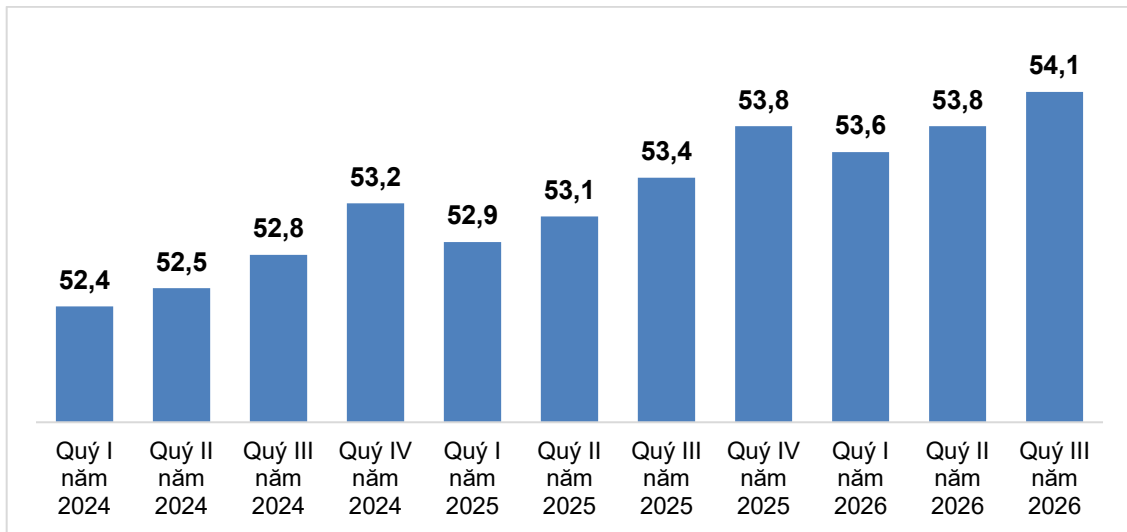
1. Lực lượng lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III năm 2026 đạt gần 54,1 triệu người, tăng 278,4 nghìn người so với quý trước và tăng 709,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động khu vực thành thị khoảng 21,4 triệu người, chiếm 39,5%, khu vực nông thôn là 32,7 triệu người, chiếm 60,5%.

¹ Số liệu liên quan đến tình hình lao động việc làm năm 2019, 2020 trong báo cáo này được tính toán lại theo khung khái niệm mới ICLS 19. Một số số liệu trong báo cáo, tổng số có thể không bằng thành phần do làm tròn.

² <https://www.ilo.org/vi/publications/flagship-reports/xu-huong-viec-lam-va-xa-hoi-2026>

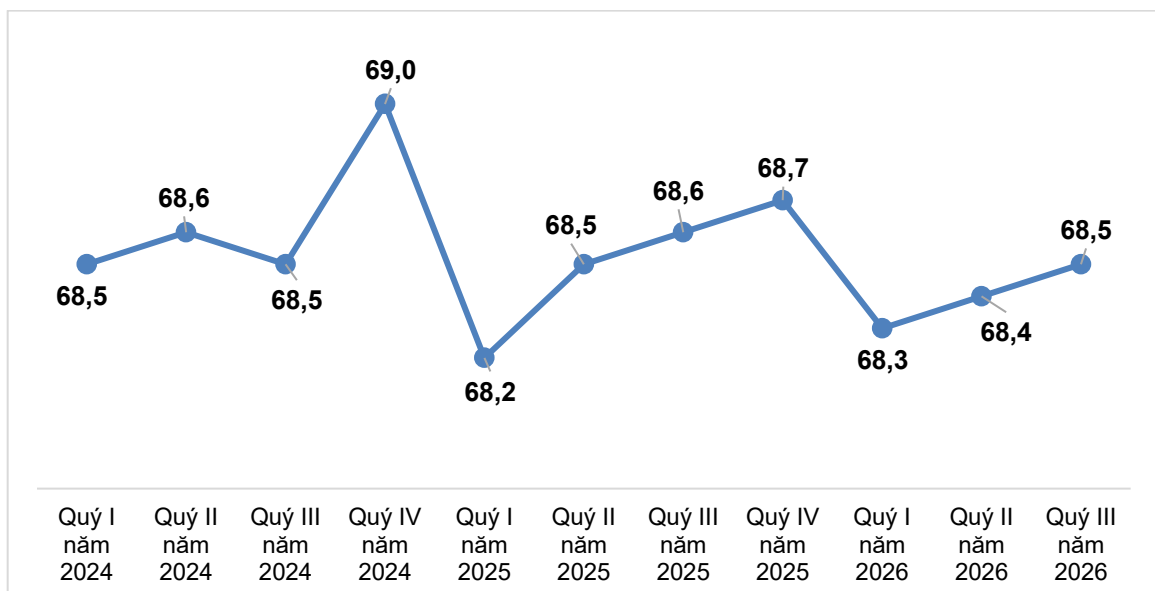
Hình 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý, giai đoạn 2024-2026 (Triệu người)



Tính chung chín tháng năm 2026, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 53,8 triệu người, tăng 697,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

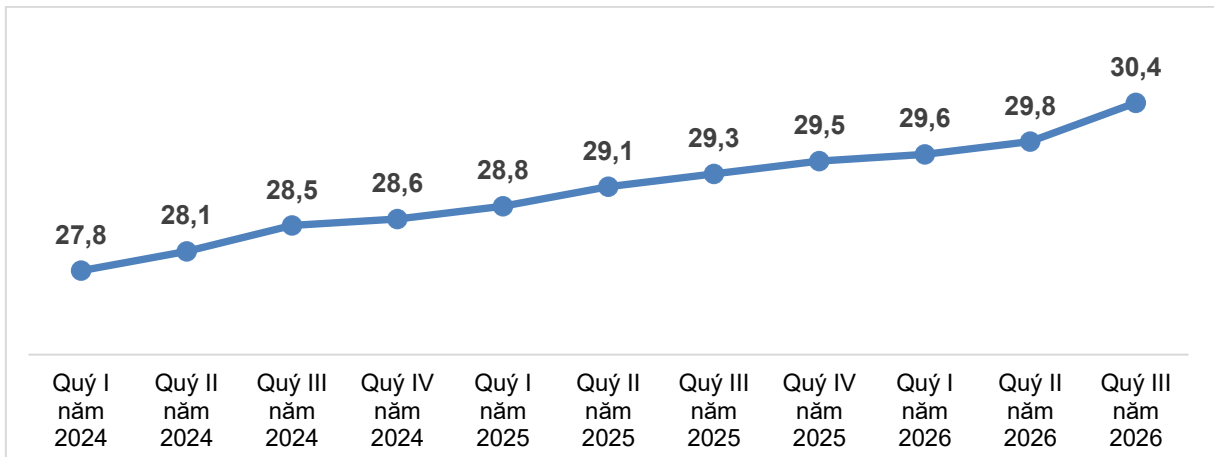
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý III năm 2026 là 68,5%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ là 63,0% và của nam giới là 74,3%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 66,2%, thấp hơn 4,0 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn (70,2%).

Hình 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2024 - 2026 (%)



Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III năm 2026 đạt 30,4%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với quý trước và cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy chất lượng nguồn lao động ngày càng được cải thiện.

Hình 3: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo quý, giai đoạn 2024-2026 (%)



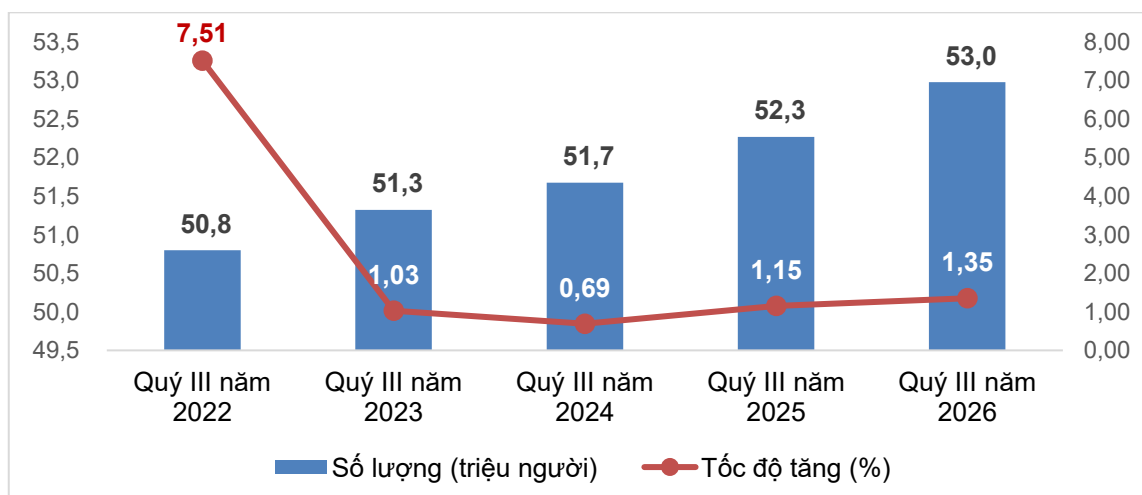
Tính chung chín tháng năm 2026, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 29,9%, cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

2. Lao động có việc làm

Lao động có việc làm quý III năm 2026 đạt gần 53,0 triệu người, tăng 292,3 nghìn người, tương ứng tăng 0,6% so với quý trước và tăng 706,4 nghìn người, tương ứng tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm tiếp tục tăng ở cả khu vực thành thị và nông thôn, trong đó khu vực thành thị đạt 20,8 triệu người, chiếm 39,3% tổng số lao động có việc làm, tăng 140,2 nghìn người so với quý trước và tăng 491,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực nông thôn đạt 32,1 triệu người, tăng tương ứng 152,1 nghìn người và 215,2 nghìn người.

Giai đoạn 2022-2026, số lao động có việc làm quý III tăng liên tục, từ 50,8 triệu người năm 2022 lên 53,0 triệu người năm 2026. Sau mức tăng cao của năm 2022 do phục hồi sau đại dịch Covid-19, tốc độ tăng lao động có việc làm có xu hướng ổn định hơn. Giai đoạn 2024-2026, tốc độ tăng lao động có việc làm lần lượt đạt 0,69%, 1,15% và 1,35%.

Hình 4: Số lượng và tốc độ tăng lao động có việc làm quý III, giai đoạn 2022-2026



Tính chung chín tháng năm 2026, lao động có việc làm đạt 52,7 triệu người, tăng 683,8 nghìn người (tương ứng tăng 1,3%) so với cùng kỳ năm 2025. Lao động có việc làm tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn với 32,0 triệu người, chiếm 60,7% tổng số lao động có việc làm; khu vực thành thị đạt 20,7 triệu người, chiếm 39,3%. Theo giới tính, lao động nữ đạt 24,6 triệu người, tăng 438,1 nghìn người; lao động nam đạt 28,1 triệu người, tăng 245,7 nghìn người.

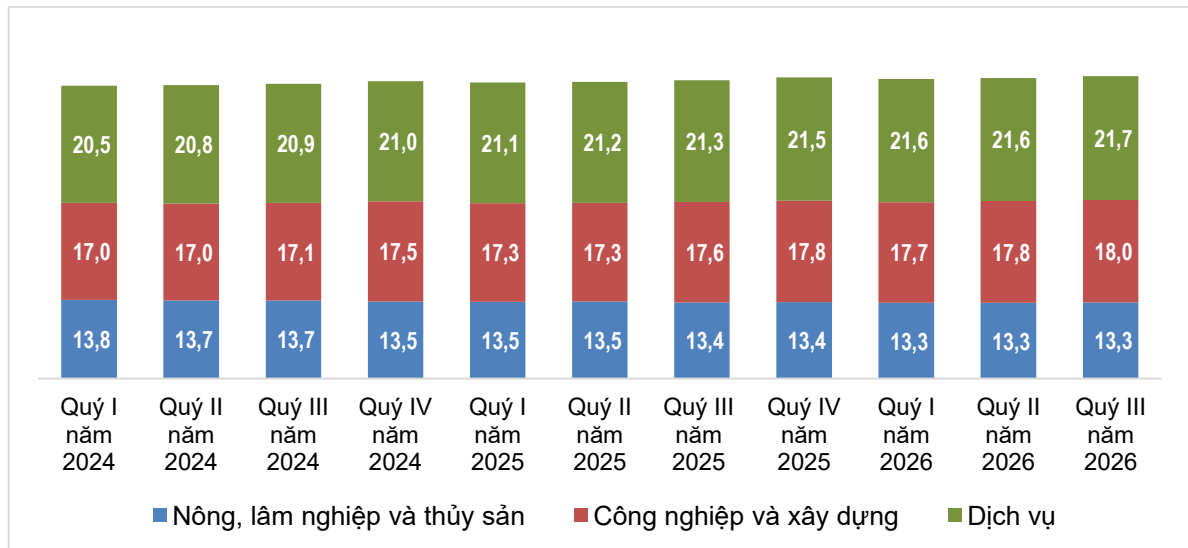
Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế

Trong quý III năm 2026, lao động có việc làm khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số lao động có việc làm, với 21,7 triệu người, chiếm 41,0%; khu vực công nghiệp và xây dựng có gần 18,0 triệu người, chiếm 33,9%; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 13,3 triệu người, chiếm 25,1%.

So với quý trước, lao động có việc làm trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 150,0 nghìn người, tương ứng tăng 0,84%; khu vực dịch vụ tăng 117,7 nghìn người, tăng 0,55%; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 24,5 nghìn người, tăng 0,19%.

So với cùng kỳ năm trước, lao động khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 394,1 nghìn người; khu vực dịch vụ tăng 350,4 nghìn người; trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 38,0 nghìn người.

Hình 5: Số người có việc làm phân theo khu vực kinh tế theo quý, giai đoạn 2024-2026 (triệu người)

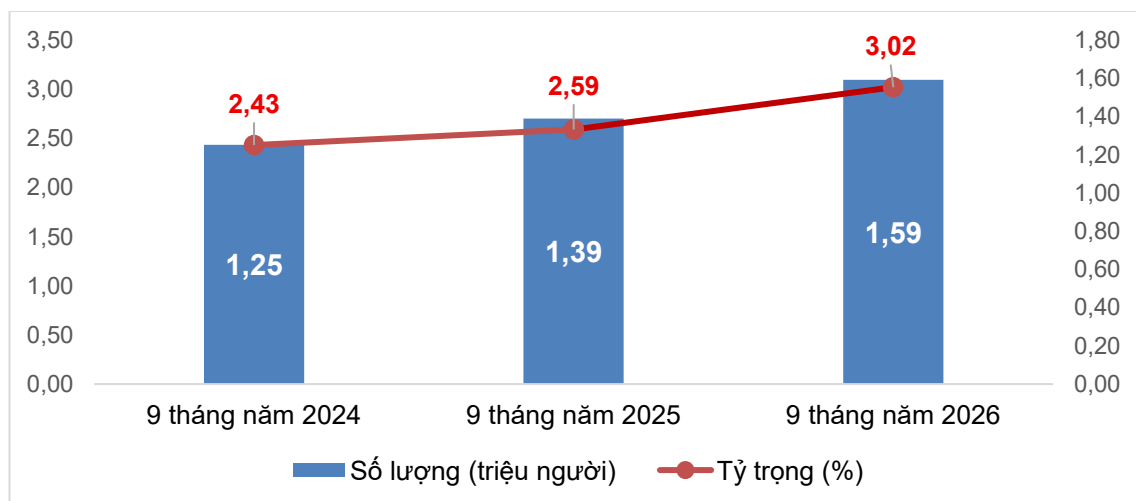


Tính chung chín tháng năm 2026, lao động trong khu vực dịch vụ đạt 21,6 triệu người, tăng 384,1 nghìn người, tương ứng tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 17,8 triệu người, tăng 447,4 nghìn người, tăng 2,6%; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 13,3 triệu người, giảm 147,7 nghìn người, giảm 1,1%. Kết quả này cho thấy chuyển dịch cơ

cấu lao động tiếp tục diễn ra theo hướng tích cực, lao động dịch chuyển từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có năng suất lao động cao hơn. Đây là một trong những yếu tố góp phần cải thiện thu nhập, nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Trong chín tháng năm 2026, các ngành kinh tế số lõi thu hút khoảng 1,6 triệu lao động, chiếm 3,02% tổng số lao động có việc làm. So với cùng kỳ giai đoạn 2024-2026, quy mô lao động trong các ngành kinh tế số lõi tăng từ 1,3 triệu người năm 2024 lên 1,4 triệu người năm 2025 và 1,6 triệu người năm 2026; tỷ trọng trong tổng số lao động có việc làm cũng tăng tương ứng từ 2,43% lên 2,59% và 3,02%. Số liệu trên cho thấy việc làm trong các ngành kinh tế số lõi tiếp tục được mở rộng, dù tỷ trọng trong tổng việc làm vẫn còn ở mức khiêm tốn.

Hình 6: Số lao động và tỷ trọng lao động trong ngành kinh tế số lõi chín tháng các năm, giai đoạn 2024-2026



Lao động có việc làm phi chính thức

Trong quý III năm 2026, lao động có việc làm phi chính thức³ (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) đạt 32,1 triệu người, giảm 409,3 nghìn người, tương ứng giảm 1,3% so với quý trước và giảm 581,9 nghìn người, tương ứng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, lao động phi chính thức ở khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 30,3 nghìn người; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 182,9 nghìn người; khu vực dịch vụ giảm 256,7 nghìn người.

³ Lao động có việc làm phi chính thức (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (iv) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp.

So với cùng kỳ năm trước, số lao động phi chính thức đều giảm ở cả ba khu vực kinh tế, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 297,4 nghìn người, khu vực dịch vụ giảm 267,1 nghìn người và khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm 17,4 nghìn người.

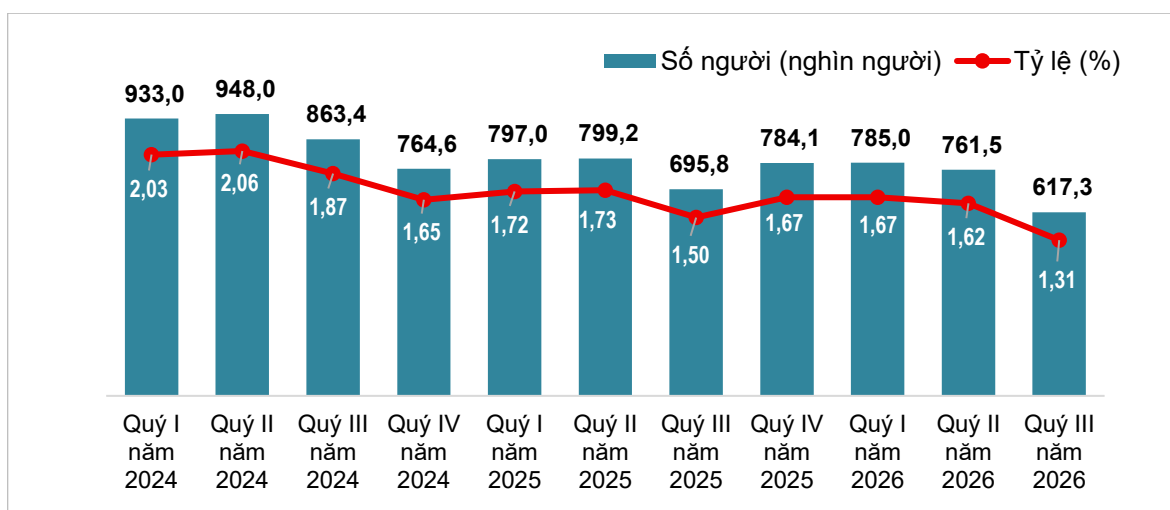
Tỷ lệ lao động phi chính thức trong quý III năm 2026 đạt 60,6%, thấp hơn 1,1 điểm phần trăm so với quý trước và thấp hơn 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Theo khu vực kinh tế, tỷ lệ lao động phi chính thức trong khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 41,9%, khu vực dịch vụ đạt 52,7%, cùng thấp hơn 1,4 điểm phần trăm so với quý trước; trong khi đó, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản duy trì ở mức 98,7%. So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ lao động phi chính thức tiếp tục giảm ở khu vực công nghiệp và xây dựng (thấp hơn 2,6 điểm phần trăm) và khu vực dịch vụ (thấp hơn 2,1 điểm phần trăm), trong khi khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhẹ (cao hơn 0,2 điểm phần trăm).

Tính chung chín tháng năm 2026, số lao động có việc làm phi chính thức đạt 32,4 triệu người, chiếm 61,5% tổng số lao động có việc làm, thấp hơn 2,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù tỷ lệ lao động phi chính thức tiếp tục giảm, nhóm lao động này vẫn chiếm tỷ trọng lớn, đặc biệt trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

3. Thiếu việc làm trong độ tuổi lao động⁴

Trong quý III năm 2026, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động khoảng 617,3 nghìn người, giảm 144,2 nghìn người so với quý trước và giảm 78,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,31%, thấp hơn 0,31 điểm phần trăm so với quý trước và thấp hơn 0,19 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; trong đó, tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị là 0,67%, thấp hơn khu vực nông thôn (1,74%).

Hình 7: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2024-2026

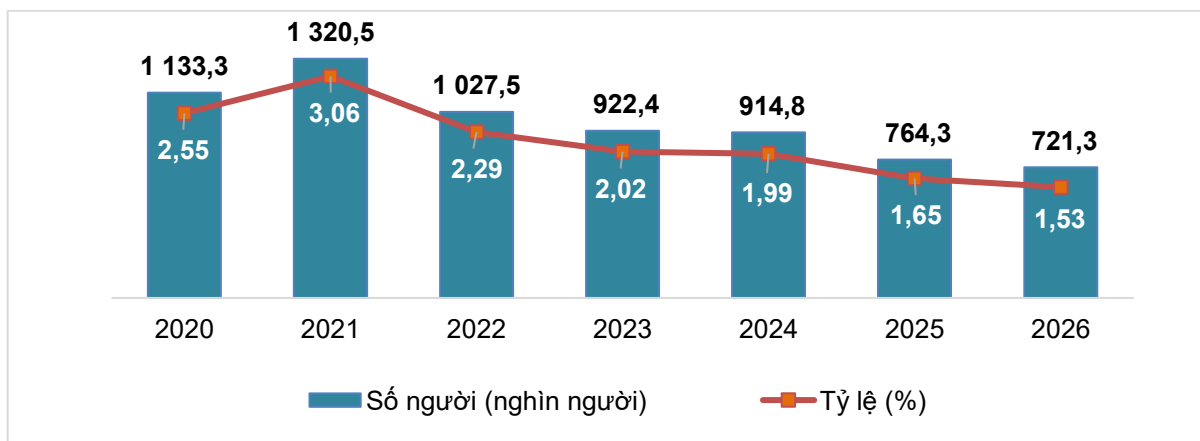


⁴ Người thiếu việc làm là những người làm việc thực tế dưới 35 giờ một tuần, mong muốn và sẵn sàng làm thêm giờ

Xét theo khu vực kinh tế, lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tập trung chủ yếu ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 375,7 nghìn người, chiếm 60,9% tổng số lao động thiếu việc; tiếp đến là khu vực dịch vụ với 161,1 nghìn người, chiếm 26,1%; khu vực công nghiệp và xây dựng có số lao động thiếu việc làm thấp nhất với 80,5 nghìn người, chiếm 13,0%. So với cùng kỳ năm trước, số lao động thiếu việc ở khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 39,2 nghìn người; khu vực dịch vụ giảm 86,4 nghìn người, trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 47,2 nghìn người.

Tính chung chín tháng năm 2026, số người thiếu việc làm trong độ tuổi là 721,3 nghìn người, giảm 43,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi chín tháng năm 2026 là 1,53%, thấp hơn 0,12 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị là 1,05% thấp hơn khu vực nông thôn (1,86%). Nhìn chung, tình trạng thiếu việc làm tiếp tục được cải thiện, song vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, cho thấy cần tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và tạo việc làm ổn định ở khu vực nông thôn.

Hình 8: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động chín tháng giai đoạn 2020-2026



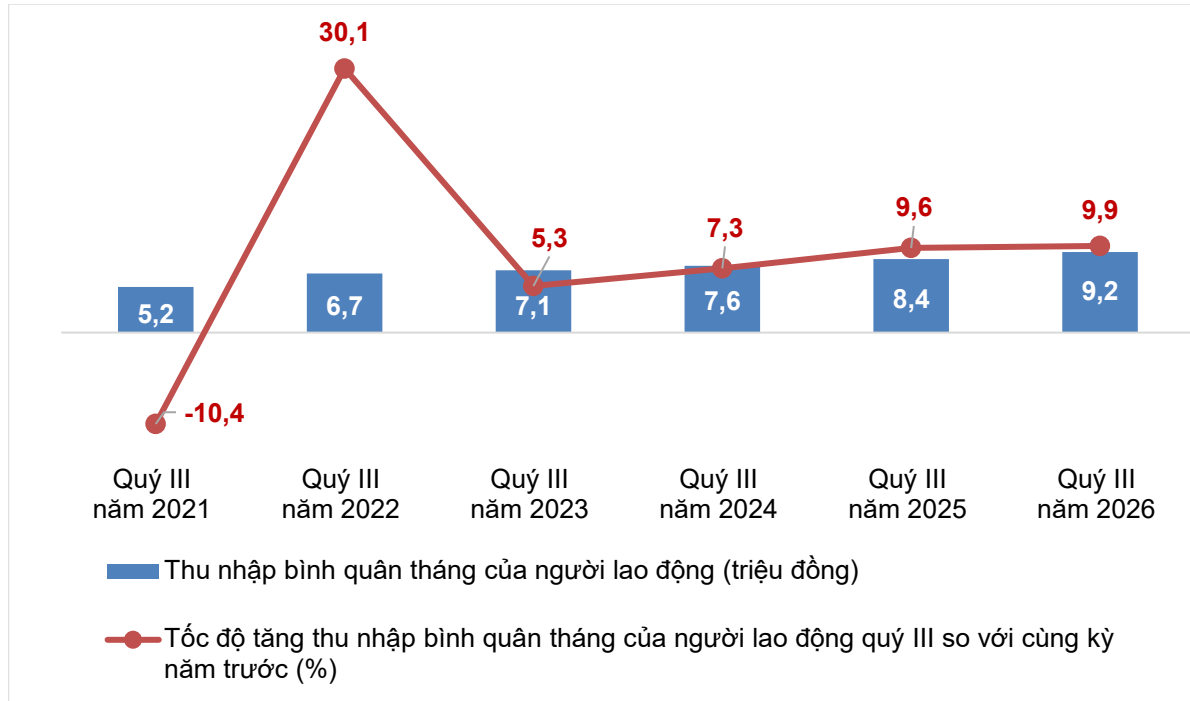
4. Thu nhập bình quân của người lao động⁵

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2026 đạt 9,2 triệu đồng, tăng 215,5 nghìn đồng so với quý trước và tăng 823,8 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập lao động làm công hưởng lương tăng một phần do mức lương cơ sở tăng từ 01/7/2026. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam đạt 10,3 triệu đồng, cao gấp 1,3 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (7,9 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị đạt 10,9 triệu đồng, cao gấp 1,4 lần khu vực nông thôn (8,0 triệu đồng).

⁵ Trong Điều tra lao động việc làm, thu nhập của người lao động là số tiền công/tiền lương hoặc lợi nhuận nhận được từ công việc (bao gồm tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác) trong tháng trước thời điểm điều tra. Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc là tổng thu nhập của tất cả lao động đang làm việc so với tổng số lao động đang làm việc.

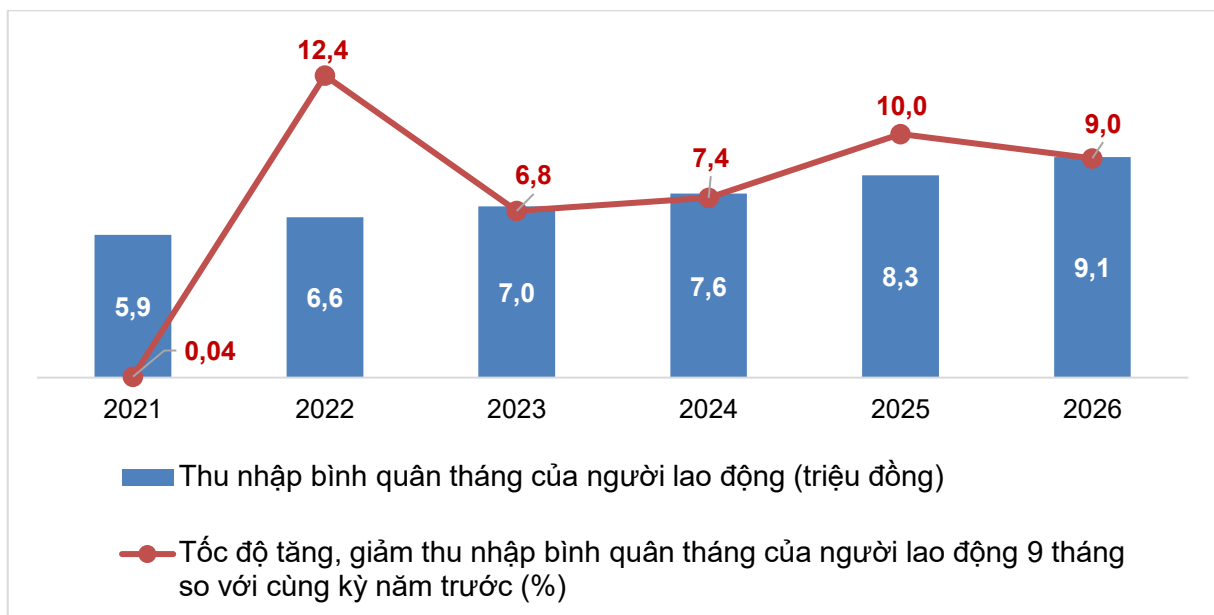
So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2026 là 9,9% cao hơn mức tăng 9,6% của quý III năm 2025.

Hình 9: Thu nhập và tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2021-2026



Tính chung chín tháng năm 2026, thu nhập bình quân tháng của người lao động đạt 9,1 triệu đồng, tăng 752,8 nghìn đồng, tương ứng tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam đạt 10,2 triệu đồng, cao gấp 1,3 lần lao động nữ (7,8 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị đạt 10,7 triệu đồng, cao gấp 1,3 lần khu vực nông thôn (8,0 triệu đồng).

Hình 10: Thu nhập và tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động chín tháng so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2021-2026

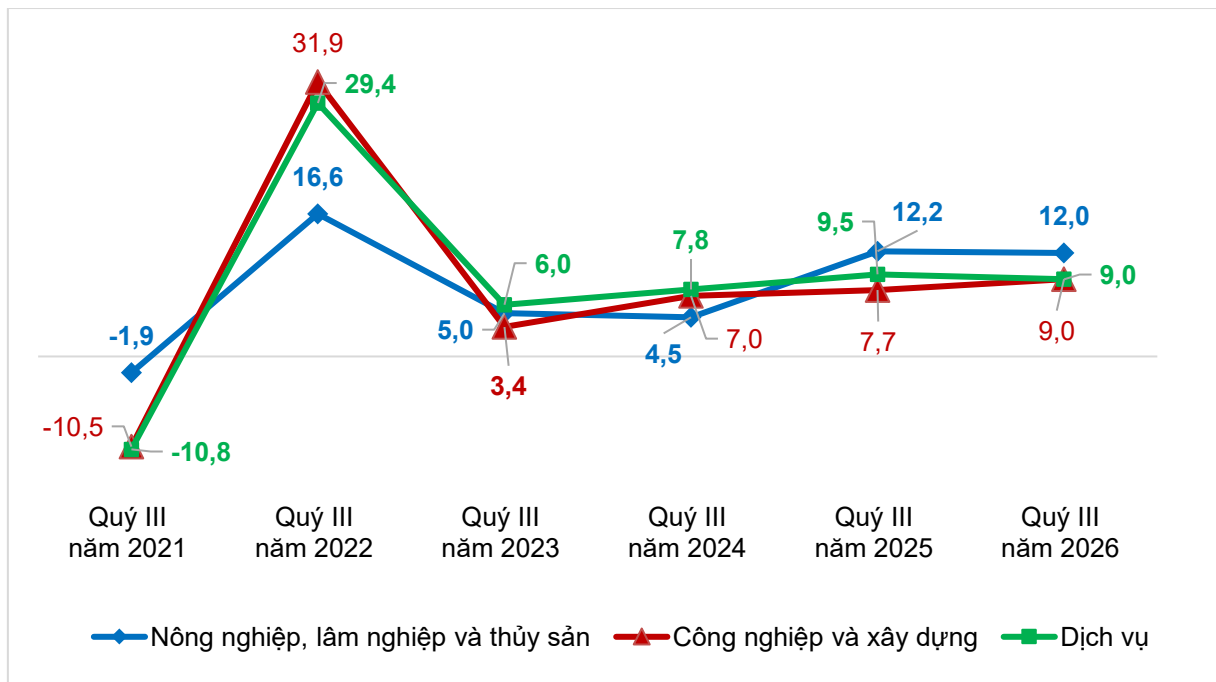


Thu nhập bình quân tháng của người lao động theo khu vực kinh tế

So với quý trước và cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2026 tăng lên ở khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Riêng khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm so với quý trước nhưng tăng so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2026 tăng cao nhất ở khu vực dịch vụ, đạt 10,9 triệu đồng, tăng 293 nghìn đồng, tương ứng tăng 2,8% so với quý trước và tăng 893 nghìn đồng, tương ứng tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 9,9 triệu đồng, tăng 188 nghìn đồng, tương ứng tăng 1,9% so với quý trước và tăng 820 nghìn đồng, tương ứng tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5,4 triệu đồng, giảm 77 nghìn đồng, tương ứng giảm 1,4% so với quý trước và tăng 581 nghìn đồng, tương ứng tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Tốc độ tăng/giảm thu nhập bình quân tháng của người lao động theo khu vực kinh tế, quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2021-2026 (%)

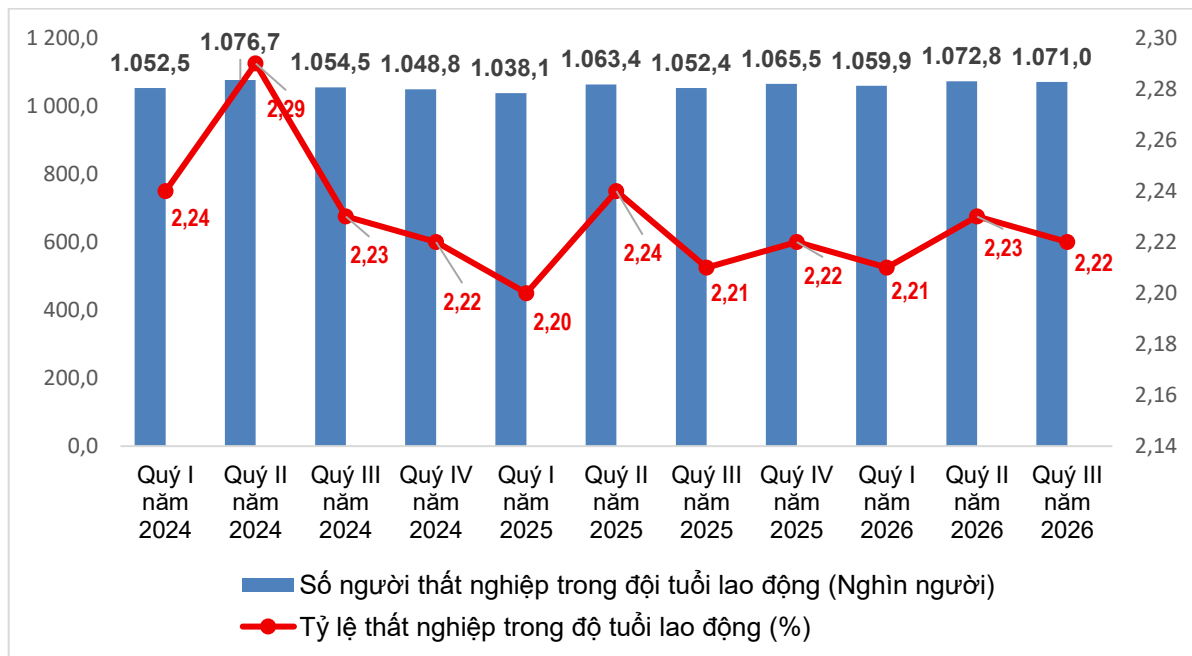


Đối với lao động làm công hưởng lương, tính chung chín tháng năm 2026 thu nhập bình quân tháng đạt 10,1 triệu đồng, tăng 738,3 nghìn đồng, tương ứng tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Lao động nam có mức thu nhập bình quân đạt 10,6 triệu đồng, cao hơn 1,11 lần lao động nữ (9,6 triệu đồng). Lao động làm việc trong khu vực thành thị có mức thu nhập bình quân đạt 11,2 triệu đồng, gấp 1,23 lần ở khu vực nông thôn (9,2 triệu đồng).

5. Thất nghiệp⁶

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2026 khoảng 1,07 triệu người, giảm khoảng 1,8 nghìn người so với quý trước nhưng tăng 18,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2026 là 2,22%, tương đương so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị tiếp tục duy trì dưới mức 3%⁷, thấp hơn mức mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Điều này phản ánh thị trường lao động khu vực thành thị tiếp tục được duy trì ổn định.

Hình 12: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2024-2026



Tính chung chín tháng năm 2026, cả nước có gần 1,07 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, tăng 16,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2026 là 2,22%, tương đương cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi trong quý III năm 2026 ở mức 9,07%, cao hơn 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 12,49%, cao hơn 5,37 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn.

⁶ Người thất nghiệp là người từ đủ 15 tuổi trở lên mà trong thời kỳ tham chiếu có đầy đủ cả 03 yếu tố: Hiện không làm việc, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc. Tỷ lệ thất nghiệp là tỷ lệ phần trăm giữa số người thất nghiệp so với lực lượng lao động.

⁷ Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị quý III các năm giai đoạn 2022-2026 lần lượt là: 2,79%; 2,78%; 2,29%; 2,76% và 2,72%.

Trong quý III năm 2026, có khoảng 1,6 triệu thanh niên từ 15-24 tuổi không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo, chiếm 11,2% tổng số thanh niên, tăng 195,1 nghìn người so với quý trước. Quý III thường là giai đoạn mà tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia học tập hoặc đào tạo tăng lên, do đây là thời điểm nhiều thanh niên vừa tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng hoặc trung cấp, đang trong quá trình chuyển đổi từ môi trường giáo dục sang thị trường lao động.

So với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới thì tỷ lệ 11,2% thanh niên Việt Nam không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo vẫn ở mức tương đối thấp⁸. Điều này cho thấy quá trình chuyển tiếp từ học tập và đào tạo sang việc làm ở thanh niên Việt Nam khá thuận lợi. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn có thể tiếp tục giảm nếu công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng giáo dục và hỗ trợ kết nối thanh niên với thị trường lao động được thực hiện hiệu quả hơn.

6. Lao động không sử dụng hết tiềm năng

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng⁹ là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

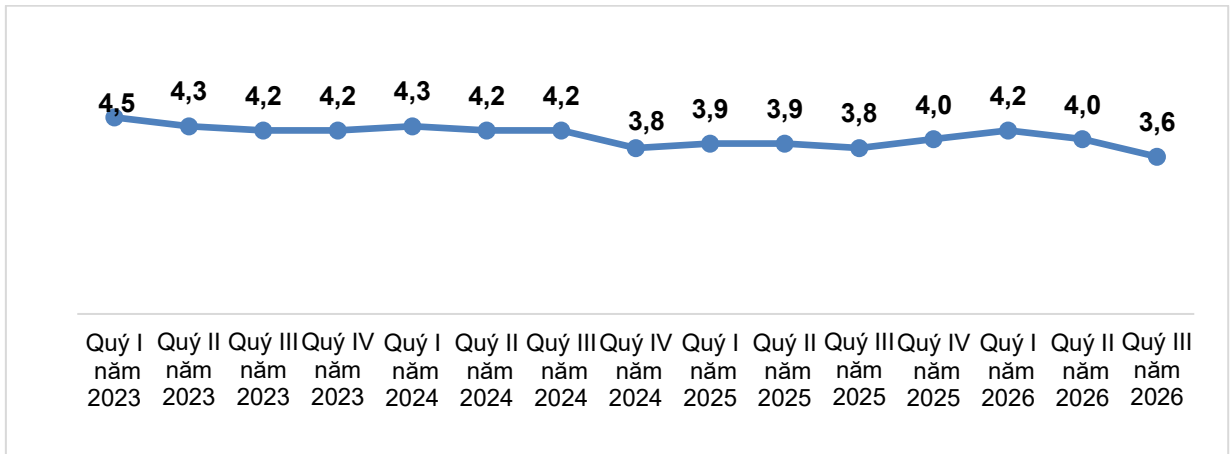
Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam cao kỷ lục là 10,4% vào quý III năm 2021 do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, sau đó giảm dần và duy trì dao động quanh mức 4%. Tới quý III năm 2026, tỷ lệ này đã giảm đáng kể xuống mức 3,6% (tương đương 1,9 triệu người) - mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Tính chung chín tháng năm 2026, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là 3,9%.

⁸ Theo Báo cáo Xu hướng thị trường lao động thế giới năm 2026 của ILO: Năm 2025, tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo của thế giới là 20,0%; tỷ lệ này ở các nước ASEAN là 16,2%; Thái Lan: 12,8%; Ấn Độ: 24,2%, Băng-la-đét: 15,4% (năm 2024).

⁹ Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng số lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế.

Hình 13: Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng theo quý, giai đoạn 2023-2026 (%)



7. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu

Tại thời điểm quý III năm 2026, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu duy trì ở mức hơn 4,2 triệu người, không thay đổi đáng kể so với quý trước nhưng tăng hơn 400 nghìn người so với cùng kỳ năm 2025, trong đó có đến 86,8% lao động ở khu vực nông thôn. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu đa số là nữ giới, với gần 2,8 triệu người (chiếm 64,6%); trong khi đó con số này đối với nam giới là gần 1,5 triệu người (chiếm 35,4%).

Tính chung chín tháng năm 2026, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu là hơn 4,1 triệu người, tăng 272,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lao động nữ làm công việc tự sản tự tiêu chiếm 65,4%, lao động ở khu vực nông thôn chiếm 88,6%.

CỤC THỐNG KÊ